

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE
Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 4 - 2024
Về việc: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE
- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Đạo
2. Ông Nguyễn Tường Bích
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Huỳnh Thị Thanh T**, sinh ngày: 10/3/1974 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh B.
- **Bị đơn:** **Mai Văn D**, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28/12/2023, bản tự khai ngày 22/3/2024, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày:*

Chị và anh Mai Văn D kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và vợ chồng ly thân đến nay không có hàn gắn tình cảm. Quá trình chung sống, chị và anh D có với nhau 01 con chung tên Mai Thị Mộng V, sinh ngày: 25/01/2008, chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Huỳnh Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Mai Văn D.
- Về con chung: Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Chị Huỳnh Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 15/4/2024.

* Bị đơn anh Mai Văn D các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

Anh Mai Văn D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 12/4/2024.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn các lần hòa giải đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thanh T. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và ghi nhận chị Thúy không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T, bị đơn anh Mai Văn D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 15/4/2024 và ngày 12/4/2024 (Bút lục số 37, 38). Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh D là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Mai Văn D kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày là bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và vợ chồng ly thân đến nay không có hàn gắn tình cảm. Chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh D. Anh D không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Huỳnh Thị Thanh T khai quá trình chung sống chị T và anh D có chung với nhau 01 con chung tên Mai Thị Mộng V, sinh ngày: 25/01/2008, chị T đang nuôi dưỡng. Ly hôn chị T có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 22/3/2024 con chung của chị T và anh D có nguyện vọng sống chung với mẹ (Bút lục số 30). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận chị T nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Huỳnh Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Huỳnh Thị Thanh T.
2. Chị Huỳnh Thị Thanh T được ly hôn với anh Mai Văn D.
3. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Thanh T được nuôi dưỡng con chung Mai Thị Mộng V, sinh ngày: 25/01/2008.

Ghi nhận chị Huỳnh Thị Thanh T không yêu cầu anh Mai Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian con chung của chị T và anh D chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thanh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) theo biên lai thu số 0003375 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã L (Số 63, quyền số 01/2005 ngày 08/11/2005);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương